

VIAC SỐ [*] HCM
TRANH CHẤP TRỌNG TÀI TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIAC)
THEO QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI NĂM 2017

GIỮA

Công ty [*] (*Nguyên đơn*)

VÀ

Công ty [*] (*Bị đơn*)

BẢN TỰ BẢO VỆ ĐỐI VỚI ĐƠN KHỞI KIẾN

Cố Vấn Pháp Lý Cho Nguyên đơn

Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam

Đại diện bởi Luật sư [*]

Giám đốc Điều hành

[*], ngày tháng năm

Mục lục

I.	Các Vấn Đề Chung	3
1.	Các Định Nghĩa Và Thuật Ngữ Được Sử Dụng	3
2.	Các Bên	5
3.	Tóm tắt vụ việc	6
II.	Quan Điểm Của Bị Đơn Đối Với Các Nội Dung Nêu Trong Đơn Khởi KIỆN	8
4.	Về Thủ Tục Giải Quyết Tranh Chấp Thông Qua Hòa Giải	8
5.	Về Cơ Sở và Yêu Cầu Khởi KIỆN	9
6.	Về Quan Điểm Sơ Bộ Của Bị đơn Đối Với Báo Cáo Kiểm Toán	9
7.	Yêu Cầu Thay Đổi Trọng Tài Viên Do Nguyên Đơn Lựa Chọn	11
8.	Bổ Nhiệm Trọng Tài Viên	12
III.	Đề xuất và Kiến nghị:	12
IV.	Bảo Lưu Các Quyền	13

Số: [*]

Ngày:

KÍNH GỬI: TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

Đồng gửi tới: BAN THƯ KÝ TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

Kính thưa Trung tâm và Ban Thư ký,

Bản Tự Bảo Vệ Đối Với Đơn Khởi Kiến số [*] ngày [*] (“Bản Tự Bảo Vệ”) này được lập phù hợp với văn bản số [*] /VIAC-HCM ngày [*] của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) để trình bày quan điểm của Bị đơn, Công ty [*] đối với các yêu cầu được Nguyên đơn, Công ty [*] đã nêu trong Đơn Khởi Kiến đề ngày [*] (Đơn Khởi Kiến).

Bản Tự Bảo Vệ này được đệ trình cùng với Danh Mục Tài Liệu được liệt kê ở cuối trang.

Bất kỳ khi nào Bản Tự Bảo Vệ này viện dẫn tới một tham chiếu, tham chiếu đó sẽ được đánh dấu với cấu trúc R.xxxx. Trong đó, R có nghĩa là từ viết tắt của Bị Đơn trong tiếng Anh (Respondent) và xxxx được ghi theo số thứ tự của các tham chiếu đề cập trong Bản Tự Bảo Vệ này.

Bản Tự Bảo Vệ được trình bày cụ thể như sau:

I. Các Vấn Đề Chung

1. Các Định Nghĩa Và Thuật Ngữ Được Sử Dụng

Trừ khi được quy định khác đi, các từ, cụm từ hay thuật ngữ được sử dụng trong Bản Tự Bảo Vệ này sẽ có ý nghĩa như sau:

- 1.1. “VIAC” hoặc “Trung tâm” có nghĩa là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
- 1.2. “Quy tắc” có nghĩa là Quy tắc Tổ tụng Trọng tài được VIAC ban hành và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2017.
- 1.3. “HĐTT” có nghĩa là Hội Đồng Trọng Tài được thiết lập phù hợp với Quy tắc để giải quyết Vụ việc.
- 1.4. “Vụ việc” hoặc “Tranh chấp số [*]” có nghĩa là vụ tranh chấp được Nguyên đơn khởi xướng, được Trung Tâm chấp nhận thụ lý và hiện tại đang được giải quyết bởi HĐTT phù hợp với Quy tắc.
- 1.5. [*] hoặc “Nguyên đơn” có nghĩa là Công ty [*], có địa chỉ đăng ký tại [*] và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này.

- 1.6. **["*"]** hoặc “Bị đơn” có nghĩa là Công ty **["*"]**, có địa chỉ tại **["*"]** và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này.
- 1.7. **["*"]** có nghĩa là Công ty **["*"]** và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này.
- 1.8. **["*"]** có nghĩa là Công ty **["*"]** và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này
- 1.9. **["*"]** có nghĩa là Công ty **["*"]**, có địa chỉ **["*"]**, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này.
- 1.10. “BQLDA” hoặc “Ban Quản Lý Dự án” có nghĩa là người đại diện của Bị đơn, thay mặt Bị đơn quản lý, điều hành Dự án.
- 1.11. “Hợp Đồng 2507” có nghĩa là Thỏa Thuận Hợp Đồng số **["*"]** ngày 25/07/2018 và bất kỳ tài liệu nào đính kèm hoặc được viện dẫn theo đó là bao gồm một phần của Hợp Đồng để Cung cấp và thi công kết cấu tòa **["*"]**. Hợp Đồng 2507 bao gồm ý nghĩa của bất kỳ văn bản sửa đổi, bổ sung nào sau đó.
- 1.12. “Hợp Đồng 2108” có nghĩa là Thỏa Thuận Hợp Đồng số **["*"]** ngày 21/08/2019 và bất kỳ tài liệu nào đính kèm hoặc được viện dẫn theo đó là bao gồm một phần của Hợp Đồng để Cung cấp và thi công kết cấu Hạ tầng Kỹ thuật Dự án”. Hợp Đồng 2108 bao gồm ý nghĩa của bất kỳ văn bản sửa đổi, bổ sung nào sau đó.
- 1.13. “Hợp Đồng 1312” có nghĩa là Thỏa Thuận Hợp Đồng số **["*"]** ngày 13/12/2018 và bất kỳ tài liệu nào đính kèm hoặc được viện dẫn theo đó là bao gồm một phần của Hợp Đồng để Cung cấp và thi công Hoàn thiện Cơ bản Tòa nhà **["*"]**. Hợp Đồng 1312 bao gồm ý nghĩa của bất kỳ văn bản sửa đổi, bổ sung nào sau đó.
- 1.14. “Hợp Đồng 0805” có nghĩa là Thỏa Thuận Hợp Đồng số **["*"]** ngày 08/05/2019 và bất kỳ tài liệu nào đính kèm hoặc được viện dẫn theo đó là bao gồm một phần của Hợp Đồng để Cung cấp và thi công Hoàn thiện Cơ bản Tòa nhà **["*"]**. Hợp Đồng 0805 bao gồm ý nghĩa của bất kỳ văn bản sửa đổi, bổ sung nào sau đó.
- 1.15. “Phụ lục 01 2507” có nghĩa là Phụ lục 01 ký ngày 12/11/2018 để: Điều chỉnh lịch trình thanh toán cho Hợp Đồng 2507;
- 1.16. “Phụ lục 02 2507” có nghĩa là Phụ lục 02 ký ngày 01/07/2019 để Điều chỉnh Tiến độ thi công của Hợp Đồng 2507;
- 1.17. “Phụ lục 03 2507” có nghĩa là Phụ lục 03 ký ngày 25/12/2019 để Điều chỉnh diện tích sàn bê tông của Hợp Đồng 2507;
- 1.18. “Các Hợp Đồng” có nghĩa là Hợp Đồng 2507, Hợp Đồng 2108, Hợp Đồng 1312, Hợp Đồng 0805 và bất kỳ Phụ lục nào được ký kết bởi Nguyên đơn và Bị đơn.
- 1.19. “Dự án” có nghĩa là Dự án **["*"]**, Thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa, Việt Nam.
- 1.20. “FIDIC” có nghĩa là Hiệp Hội Quốc Tế Các Kỹ Sư Tư Vấn.
- 1.21. “ĐKC”, “GCC” hoặc “Điều Kiện Chung” có nghĩa là Các Điều kiện Hợp đồng do FIDIC giới thiệu năm 1999 dùng cho trường hợp Nhà thầu thi công theo Thiết kế và Tiêu chuẩn do Chủ Đầu tư cung cấp. ĐKC, GCC quy định chung về các vấn đề trong Hợp Đồng.

- 1.22. “ĐKR”, “PCC” hoặc Điều Kiện Riêng có nghĩa là Các Điều kiện chi tiết, điều chỉnh, sửa đổi, thay thế các quy định của ĐKC.
- 1.23. “Phụ Lục Các Điều Kiện Chủ Yếu Của Hợp Đồng” có nghĩa là bảng tóm lược các thông tin chính của Hợp Đồng như thông tin Các Bên, Thời Gian Hoàn Thành, Giá Hợp Đồng, v.v và tạo thành một phần các tài liệu cấu thành nên Hợp Đồng.
- 1.24. “LOA”, “Thư Trao Thầu” hoặc “Thư Chấp Thuận” có nghĩa là văn bản do Bị đơn phát hành cho Nguyên đơn nêu rõ việc chấp thuận của Bị đơn đối với đề xuất do Nguyên đơn đệ trình để thi công và hoàn thành Công việc theo quy định của Các Hợp Đồng.
- 1.25. “Ngày Khởi Công” có nghĩa là ngày mà Nguyên đơn bắt đầu triển khai Công việc phù hợp với quy định của Các Hợp Đồng.
- 1.26. “Tạm ứng” có nghĩa là khoản tiền mà Bị đơn ứng trước cho Nguyên đơn để triển khai các công tác chuẩn bị và được nêu trong Các Hợp Đồng.
- 1.27. “Giá Hợp đồng” có nghĩa là số tiền được nêu trong mỗi Hợp Đồng hoặc PLHĐ, tùy ngữ cảnh để thể hiện giá trị mà Bị đơn chấp thuận để Nguyên đơn thực hiện Công việc tại Dự án.
- 1.28. “Công việc” hoặc “Gói thầu” có nghĩa là phần việc Nguyên đơn đảm nhận (bao gồm cả các công việc tạm thời hoặc vĩnh cửu) để thi công, hoàn thành Dự án.
- 1.29. “Biên Bản Hợp 0206” có nghĩa là Biên Bản Hợp được lập ngày **[*]** được ký ngày **[*]** giữa Chủ Đầu tư và Nhà thầu liên quan đến việc chấm dứt Hợp Đồng 2507, Hợp Đồng 2108, Hợp Đồng 1312, và Hợp Đồng 0805.
- 1.30. “Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng” có nghĩa là Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng V/V Chấm Dứt Các Hợp Đồng Thi Công Với Nhà Thầu Tại Dự án **[*]** được ký ngày **[*]** giữa Chủ Đầu tư và Nhà thầu liên quan đến việc chấm dứt Hợp Đồng 2507, Hợp Đồng 2108, Hợp Đồng 1312, và Hợp Đồng 0805.

2. Các Bên

Thông Tin Nguyên đơn

Tên: **Công ty **[*]****

Địa chỉ đăng ký: **[*], Quận Đống Đa**
Tp. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: **[*]**

Email: **[*]**

Đại diện bởi: Ông **[*]**

Thông Tin Bị Đơn

Tên: **Công ty **[*]****

Địa chỉ đăng ký: **[*]**,
Phường Cam Nghĩa, Tp. Cam Ranh,
Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **[*]**

Đại diện bởi: Bà [*]

Cố vấn Pháp lý cho Bị đơn¹

Tên: **Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam**

Địa chỉ đăng ký 28 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84-028 6276 9900

Email: hung.le@cncounsel.com (Lê Thế Hùng)
ngan.nguyen@cncounsel.com (Nguyễn Thị Kim Ngân)
contact@cncounsel.com (Quản lý Hành chính)

3. Tóm tắt vụ việc

- 3.1. Hợp Đồng 2507 là một hợp đồng quan trọng, được Nguyên đơn và Bị đơn ký vào ngày 25/07/2018 để triển khai Gói Kết cấu của Tòa nhà A3 và Tòa nhà A4, Dự án **[*]**.
- 3.2. Giá Hợp Đồng 2507 được tính trọn gói **[*] đồng** theo Diện tích Xây dựng Tổng thể/Gross Building Area (GBA)/(m²) với đơn giá cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng 2507 là **[*] đồng/m²** (GBA), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng².
- 3.3. Thời hạn thực hiện Hợp Đồng 2507 là **[*] ngày** kể từ này Bị đơn bàn giao mặt bằng thi công. Thời gian thực hiện Hợp Đồng 2507 đã bao gồm cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết³.
- 3.4. Sau khi ký kết Hợp đồng 2507, Bị đơn đã thanh toán Tạm ứng cho Nguyên đơn số tiền **[*] đồng** tương ứng với 25% Giá Hợp Đồng (chưa VAT)⁴.
- 3.5. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng 2507,
 - (a) Lịch trình thanh toán được Các Bên điều chỉnh để phù hợp với tiến độ thi công thực tế (Tòa nhà A4 thi công trước, Tòa nhà A3 thi công sau) và được thể hiện trong quy định tại Phụ lục 01 2507⁵;

¹ Xem thêm R.0001: Hồ sơ Ủy quyền.

² Xem thêm RC.0002: Hợp đồng 2507: Điều 5, Thỏa thuận Hợp đồng 2507; Điều 1.1(a) và Điều 1.1(b), Phụ Lục Tài Chính.

³ Xem thêm RC.0002 - Hợp đồng 2507: Khoản 1.1.3.3 & Khoản 8.2, Phụ Lục Các Điều Kiện Chủ Yếu Của Hợp Đồng.

⁴ Xem thêm R.0002: Chứng từ Thanh toán tạm ứng Hợp đồng 2507.

⁵ Xem thêm RC.0002 - Hợp đồng 2507: Khoản 1.1, Phụ lục 01 2507.

- (b) Thời hạn thực hiện Hợp Đồng 2507 cũng được điều chỉnh theo Phụ lục 02 2507 để gia hạn Thời hạn hoàn thành (dự kiến) tới ngày 31/12/2019⁶; và
- (c) Trên cơ sở diện tích sàn xây dựng bị điều chỉnh giảm theo Giấy phép xây dựng số **[*]** ngày 15/11/2019⁷, Các Bên đã ký kết Phụ lục 03 2507 để điều chỉnh Giá Hợp Đồng 2507 thành **[*] đồng** trên cơ sở Diện tích thi công được chấp thuận là **[*]m²** và Đơn giá mới là **[*] đồng/m²** (trước thuế)⁸.
- (d) Để xác định lại một lần nữa, Phụ lục 03 cũng ấn định Thời hạn hoàn thành là ngày 30/12/2019⁹. Đây cũng là thỏa thuận cuối cùng của Các Bên về việc thi công và hoàn thành Công việc của Hợp đồng 2507.
- 3.6. Tuy nhiên, Nguyên đơn đã không thể hoàn thành Công việc vào ngày 30/12/2019. Đồng thời, tại thời điểm này Nguyên đơn cũng không cho thấy mình còn khả năng và nguồn lực tài chính, nhân lực, vật lực cần thiết để hoàn thành các Công việc có liên quan.
- 3.7. Để hạn chế thiệt hại do việc chậm trễ thực hiện Các Hợp Đồng, Nguyên đơn và Bị đơn đã họp ngày 02/06/2020 và thống nhất chấm dứt Các Hợp Đồng¹⁰.
- 3.8. Ngay sau đó, Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng được Các Bên ký kết ngày 03/06/2020. Theo đó, Nguyên đơn được yêu cầu đệ trình hồ sơ quyết toán trước ngày 30/6/2020, và Bị đơn sẽ rà soát và chấp thuận trong tháng 06/2020¹¹.
- 3.9. Như được thể hiện trong Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng, Bị đơn đã đồng ý thanh toán thêm cho Nguyên đơn một khoản tiền **[*] đồng** như một khoản hỗ trợ để bù đắp cho những chi phí mà Nguyên đơn phải chi trả trong quá trình kéo dài tiến độ thi công.
- 3.10. Tuy nhiên, thiện chí của Bị đơn đã bị Nguyên đơn lạm dụng. Cụ thể, sau khi Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng được ký kết, Nguyên đơn liên tục thực hiện các hành động ngoài phạm vi cho phép của Các Hợp Đồng nhằm gây sức ép để Bị đơn phải thanh toán thêm những chi phí không được pháp luật hoặc Các Hợp Đồng cho phép.
- 3.11. Điển hình nhất và vẫn tồn tại cho tới ngày của Bản Tự Bảo Vệ này, đó là việc Nguyên đơn gửi đơn thư, khiếu nại tới các Cơ quan điều tra, Báo đài¹² (Phòng Cảnh sát Kinh tế **[*]**, Công an tỉnh Khánh Hòa, Công an Tp. Cam Ranh v.v) đồng thời cung cấp thông tin một chiều, phiến diện tới các cơ quan báo đài (Đài truyền hình **[*]**, Báo **[*]**, Báo Nhân dân, Báo Xây dựng v.v) để gây sức ép lên Bị đơn và làm mất uy tín của Bị đơn.
- 3.12. Trong khi đó, Nguyên đơn lại liên tục **trì hoãn, hoặc thay đổi hồ sơ, tài liệu** liên quan đến việc hoàn thiện hồ sơ quyết toán Các Hợp Đồng, không đề cử nhân sự có chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực để giải trình với Artelia, với Bị đơn để sớm quyết toán Các Hợp Đồng.

⁶ Xem thêm RC.0002 - Hợp đồng 2507: Khoản 1.2, Phụ lục 02 2507.

⁷ Xem thêm R.0003: Giấy phép xây dựng số **[*]**GPXD-SXD ngày **[*]**.

⁸ Xem thêm RC.0002 - Hợp đồng 2507: Khoản 4.2.1, Phụ lục 03 2507.

⁹ Xem thêm RC.0002 - Hợp đồng 2507: Khoản 3.1, Phụ lục 03 2507.

¹⁰ Xem thêm R.0010: Biên Bản Hợp 0206.

¹¹ Xem thêm R.0011: Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng, Khoản 3.1(b)(ii).

¹² Xem thêm R.0004: Văn bản số 28.12/**[*]** ngày 28/12/2020; Văn bản số 01/Công ty **[*]** ngày 04/01/2021; Văn bản số 02/**[*]** ngày 15/01/2021.

- 3.13. Bất chấp tất cả các khuyến cáo, cảnh báo trước đó của Bị đơn, Nguyên đơn vẫn không thực hiện việc quyết toán và tiếp tục hành động trái pháp luật nói trên để gây sức ép lên Bị đơn.
- 3.14. Ngày 12/7/2021, Bị đơn nhận được Văn bản số [*]/VIAC-[*] của Trung tâm, yêu cầu Bị đơn có ý kiến bảo vệ đối với Đơn Khởi KIỆN của Nguyên đơn trong thời hạn 30 ngày sau ngày Nhận được Văn bản 1074.

II. Quan Điểm Của Bị Đơn Đối Với Các Nội Dung Nêu Trong Đơn Khởi KIỆN

Bị Đơn theo đây **bác bỏ toàn bộ** nội dung mà Nguyên đơn nêu trong Đơn Khởi KIỆN bởi các lý do nêu tại các Mục từ 4 tới 7 dưới đây.

Cụ thể:

4. Về Thủ Tục Giải Quyết Tranh Chấp Thông Qua Hòa Giải

- 4.1. Như Nguyên đơn cũng nhận thấy và nêu rõ trong Đơn Khởi KIỆN¹³ thì bất kỳ tranh chấp hoặc bất đồng nào có liên quan đến hay xuất phát từ Hợp Đồng sẽ được giải quyết **trước hết thông qua hòa giải**.
- 4.2. Nếu hòa giải không giúp Các Bên giải quyết tranh chấp hoặc bất đồng đó, bất kỳ Bên nào không đồng ý với phương án của chuyên gia hòa giải thì Bên đó đều có quyền nộp đơn kiện tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để yêu cầu giải quyết.
- 4.3. Trong khi đó, tại tất cả hồ sơ, tài liệu đính kèm Đơn Khởi KIỆN, Bị đơn không nhận thấy bất kỳ bằng chứng hay tài liệu nào cho thấy trình tự, thủ tục về hòa giải đã được Nguyên đơn tuân thủ.
- 4.4. Ngoài ra, Bị đơn đã chủ động kiến nghị, đề xuất với Nguyên đơn về việc tham gia giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, hoặc sửa đổi điều khoản về giải quyết tranh chấp trong Hợp Đồng¹⁴. Tuy nhiên, cho tới ngày của Bản Tự Bảo Vệ này, Nguyên đơn vẫn không phản hồi, không điều chỉnh, cũng không thể hiện quan điểm chấp thuận đối với đề xuất của Bị đơn về vấn đề nêu trên.
- 4.5. Do đó, Bị đơn kính đề nghị HĐTT yêu cầu Nguyên đơn làm rõ vấn đề giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải trước khi tiến hành xem xét về nội dung từng Yêu cầu mà Nguyên đơn đã đệ trình trong Đơn Khởi KIỆN.

5. Về Cơ Sở và Yêu Cầu Khởi KIỆN

- 5.1. Như HĐTT cũng nhận thấy rõ, Trong Đơn Khởi KIỆN của mình, Nguyên đơn đã **không nêu được bất kỳ một cơ sở pháp lý, quy định của pháp luật hay viện dẫn bất kỳ điều**

¹³ Xem thêm Mục III.4, Đơn Khởi KIỆN của Nguyên đơn; Khoản 20.6 [*Trọng Tài Phân Xử*], Điều KIỆN Riêng của Các Hợp Đồng.

¹⁴ Xem thêm R.0004: Trả lời về vấn đề Quyết toán 4 Hợp đồng Thi công Xây dựng ngày 30/01/2021, số 3001/2021/CV-[*]/[*]/OUT/2021, Mục 5; Văn bản số 132/2021/CV-[*] ngày 16/4/2021, Mục 7.

khoản nào của Hợp Đồng nào để bảo vệ, giải thích hay chứng minh cho Các Yêu Cầu của mình.

- 5.2. Thực tế đó một lần nữa chứng minh Nguyên đơn đã quá quen với việc gửi văn bản khiếu nại như công cụ để gây sức ép lên Bị đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền quyết toán Hợp đồng 2507 bất chấp lý lẽ Hợp Đồng, lý lẽ pháp lý.
- 5.3. Trong khi yêu cầu tối thiểu đối với Các Yêu cầu của Nguyên Đơn là phải hợp pháp và hợp lý như được nêu tại Điều 7.2 của Quy tắc; Điều 30.2, Luật Trọng tài Thương mại đã không được Nguyên đơn đáp ứng.
- 5.4. Nói cách khác, Các Yêu Cầu của Nguyên đơn là không có cơ sở pháp lý và không cần phải xem xét.
- 5.5. Tuy nhiên, trong trường hợp Nguyên đơn bổ sung thêm chi tiết đối với Các Yêu cầu của mình, Bị đơn đề nghị HĐTT yêu cầu Nguyên đơn phải cung cấp các cơ sở pháp lý, cơ sở Hợp Đồng và giải trình rõ ràng để đảm bảo Cơ Sở và Yêu Cầu Khởi Kiến là hợp pháp, hợp lý.
- 5.6. Bị đơn theo đây bảo lưu quyền để xem xét, đánh giá và có ý kiến trả lời, phản hồi, làm rõ, đồng ý hay không đồng ý với bất kỳ giải trình nào mà Nguyên đơn sẽ nêu ra.

6. Về Quan Điểm Sơ Bộ Của Bị đơn Đối Với Báo Cáo Kiểm Toán

Bất kể những vấn đề được nêu tại Mục 4 và Mục 5 nói trên, Bị đơn nhận thấy sự cần thiết trong việc trình bày những quan điểm sơ bộ sau đây để HĐTT có cơ sở tiến hành các thủ tục và hành động tiếp theo, phù hợp với Quy tắc. Cụ thể:

Về việc đệ trình giá trị quyết toán

- 6.1. *Trước hết*, cần khẳng định rằng Nguyên đơn chính là Bên đã liên tục gây ra những khó khăn và thiệt hại cho Bị đơn trong suốt quá trình hoàn thiện và thống nhất giá trị quyết toán. Cụ thể:
 - (i) Nguyên đơn đã không thể thực hiện việc đệ trình hồ sơ quyết toán đúng hạn cho Bị đơn theo như Biên Bản Hợp 0206, Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng để đệ trình giá trị quyết toán vào trước ngày 30/06/2020;
 - (ii) Thậm chí, sau khi nhận được yêu cầu ngày 25/09/2020 của Artelia về việc đệ trình hồ sơ quyết toán trước ngày 28/09/2020¹⁵, Nguyên đơn vẫn không thể đảm bảo được các mốc thời hạn này.
 - (iii) Bất chấp những yêu cầu, chỉ dẫn, thông báo, kiến nghị tiếp theo¹⁶, Nguyên đơn cũng không thực hiện được.

¹⁵ Xem thêm R.0005: Văn bản của Artelia ngày 25/9/2020 về việc “Tình trạng thực hiện hồ sơ Nhà thầu **[*]**”.

¹⁶ Xem thêm R.0006: Các Văn bản của Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn sớm Quyết toán Các Hợp Đồng.

- (iv) Không chỉ vậy, mỗi yêu cầu quyết toán mà Nguyên đơn đệ trình cho Bị đơn tới nay đều **thiếu nhất quán, thay đổi liên tục** và không giúp giải quyết được bất kỳ bất đồng nào.
- (v) Diễn hình nhất là sau khi Đại diện pháp luật của Nguyên đơn Bà **[*]**, đã làm việc 3 ngày (từ 20/08/2020 – 22/08/2020) và chốt số liệu quyết toán với Bị đơn, nội bộ của Nguyên đơn sau đó đã không ký quyết toán gửi lại Bị đơn để sớm giải quyết các vấn đề phát sinh.
- (vi) Để HĐTT nhận thấy được sự thay đổi của Nguyên đơn trong việc gửi các yêu cầu Quyết toán vào các ngày khác nhau, với giá trị khác nhau để ép Bị đơn quyết toán, Bị đơn tóm lược như sau¹⁷:

Lần	Ngày	Số văn bản	Giá trị đề nghị quyết toán (đồng)	Đề nghị thanh toán (đồng)	Đơn giá (đồng/m2)
1	14/08/2020	57/[*]-CV			
2	24/08/2020	66/[*]-CV			
3	08/09/2020	08.09/[*]-CV			
4	20/10/2020	20.10/ [*]-CV			
5	29/03/2021	29.03/[*]			
6	09/04/2021	09.04/[*]			
7	27/5/2021	27.05/[*]			

Ghi chú:

(¹) Số liệu từ Báo cáo Kiểm toán của **[*]**;

(²) Số liệu từ Báo cáo Kiểm toán của **[*]**.

- 6.2. Đáng nói là, trong tất cả những lần đệ trình đó, Nguyên đơn chưa từng có giải trình, giải thích hợp lý nào cho cơ sở của việc đưa ra các số liệu quyết toán. Đồng thời, tất cả các hồ sơ quyết toán cũng không nêu được bất kỳ cơ sở pháp lý, hay hợp đồng nào.
- 6.3. Đó là những bằng chứng rõ nhất về việc Nguyên đơn liên tục vi phạm các thỏa thuận, trao đổi, và đồng thuận với Bị đơn và không có bất kỳ cơ sở hay thực tiễn nào khác có thể chối bỏ vấn đề này.

Về giá trị pháp lý của Báo cáo Kiểm toán

¹⁷ Xem thêm R.0007: Các Văn bản của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn Quyết toán Các Hợp Đồng.

- 6.4. *Thứ hai*, Báo cáo Kiểm toán do [*] đệ trình và được Nguyên đơn lựa chọn để nêu trong Đơn Khởi Kiến là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, không có thỏa thuận hợp đồng, không xuất phát từ thỏa thuận của Các Bên, và cũng không do HĐTT yêu cầu sau khi đã xác định trách nhiệm pháp lý của Bị đơn.
- 6.5. *Thứ ba*, cơ sở để Báo cáo kiểm toán độc lập nêu ra là phiên diện, không dựa trên quy định của Hợp Đồng, không dựa vào mối quan hệ giữa Bị đơn (doanh nghiệp) với Nguyên đơn (doanh nghiệp) với nhau để đưa ra số liệu quyết toán hay ý kiến giải trình mà sử dụng các quy định về định mức được áp dụng cho các chủ thể pháp luật khác có liên quan đến nhà nước.
- 6.6. Về vấn đề này, Bị đơn đã khẳng định rất nhiều lần quan điểm của mình rằng¹⁸:
- “1. *Chủ Đầu tư không phản đối việc Nhà thầu mời một đơn vị kiểm toán độc lập vào kiểm tra và xác nhận khối lượng thực hiện cũng như đơn giá để làm cơ sở nghiệm thu thanh quyết toán.*
 2. *Tuy nhiên, bất kỳ ý kiến đề xuất nào của kiểm toán cũng chỉ là cơ sở để Nhà thầu tham khảo và thảo luận với Chủ Đầu tư.*
 3. *Chủ Đầu tư không có nghĩa vụ (dù là theo quy định của hợp đồng hay pháp luật) phải chấp nhận bất kỳ giá trị nào do kiểm toán đề xuất, kiến nghị.*
 4. *Không có quy định nào tại văn bản này được hiểu là Chủ Đầu tư sẽ chia sẻ một phần hay toàn bộ chi phí cho việc thuê mướn việc kiểm toán này.”*
- 6.7. *Cuối cùng*, Bị đơn phản đối các nội dung mà Báo cáo Kiểm toán đã nêu ra bởi vì tính chất không khách quan, không độc lập của Báo cáo Kiểm toán và không dựa trên một cơ sở pháp lý thuyết phục. Do vậy không thể lựa chọn là phương pháp hay đánh giá phù hợp.
- 6.8. Tóm lại, về bản chất pháp lý: Các Báo cáo Kiểm toán được lập dựa theo các hợp đồng được ký với Nguyên đơn chỉ là đơn đặt hàng và phục vụ cho Nguyên đơn tham khảo, không phải là cơ sở pháp lý để ràng buộc trách nhiệm của Bị đơn.

7. Yêu Cầu Thay Đổi Trọng Tài Viên Do Nguyên Đơn Lựa Chọn

- 7.1. Bị đơn đề nghị Trung tâm xem xét để thay đổi Trọng tài viên [*] mà Nguyên đơn đã lựa chọn bởi các quy định tại Điều 16.3 của Quy tắc. Cụ thể:
- (i) Về thực tế khách quan: Trọng tài Viên [*], hiện đang là Thứ Trưởng Bộ [*], là người đã và đang trực tiếp giải quyết các vấn đề có liên quan đến Bị đơn, Nguyên đơn và liên quan đến Dự án, giải quyết hồ sơ liên quan đến các giấy phép khác nhau tại Dự án của Bị đơn¹⁹.

¹⁸ Xem thêm R.0004: Trả lời về vấn đề Quyết toán 4 Hợp đồng Thi công Xây dựng ngày 30/01/2021, số 3001/2021/CV-[*]/OUT/2021, Mục 4.2; Văn bản số 132/2021/CV-[*] ngày 16/4/2021, Mục 1 tới Mục 4.

¹⁹ Xem thêm R.0008: Các hồ sơ, tài liệu, văn bản đệ trình, văn bản giải trình liên quan đến Dự án của Bị đơn cho Thứ trưởng [*].

- (ii) Ngoài ra, ông [*] cũng đang là người trực tiếp tiếp nhận, xử lý vấn mà Báo [*] đã nêu về vấn đề quyết toán của Nguyên đơn và Bị đơn phải thực hiện giải trình²⁰.
- (iii) Điều này có thể ảnh hưởng đến quá trình ông [*] giải quyết vụ tranh chấp với tư cách là Thành viên của HĐTT.

7.2. Ngoài ra, Bị đơn cũng tham khảo quy định của Hiệp hội Luật sư Quốc tế (International Bar Association) về việc không xung đột lợi ích cũng nêu rõ tại Phần I – Tiêu chuẩn chung về sự khách quan, độc lập và việc công bố thông tin như sau:

“(2) Xung đột lợi ích

(a) một Trọng tài viên sẽ từ chối việc bổ nhiệm ...

(b) nguyên tắc tương tự áp dụng nếu tồn tại chi tiết hoặc tình huống hoặc đã phát sinh từ việc bổ nhiệm, mà theo ý chí của một người bình thường thì với chi tiết hoặc tình huống đó sẽ gây ra sự nghi hoặc về tính chất độc lập, khách quan của Trọng tài viên.

(c) Nghi ngờ được xem là thuyết phục nếu một người bình thường, dựa trên các chi tiết và tình huống có liên quan, nhất định sẽ kết luận rằng, rất có thể Trọng tài viên sẽ bị ảnh hưởng bởi các tình tiết khác ngoài phạm vi thuộc về bản chất của Vụ việc được Các Bên đệ trình.

(d) nghi ngờ thuyết phục xem như là tồn tại miễn sao tính chất độc lập, khách quan của Trọng tài bị liệt kê vào Nhóm Không Từ Bỏ.”

8. Bổ Nhiệm Trọng Tài Viên

- 8.1. Trên cơ sở cân nhắc đến uy tín, và những kinh nghiệm của Trọng tài viên [*], Bị đơn theo đây tham chiếu quy định tại Điều 7.3, Điều 10.3 của Quy tắc, bổ nhiệm Trọng tài viên [*] làm Trọng tài viên của Vụ việc.
- 8.2. Trọng tài viên [*] được đề nghị kiểm tra xung đột lợi ích với Các Bên.

III. Đề xuất và Kiến nghị:

- 9. Trên đây là toàn bộ quan điểm và kèm theo là dẫn chứng của Bị đơn đối với các yêu cầu của Nguyên đơn trong Đơn Khởi kiện.
- 10. Nguyên đơn kính đề nghị Trung tâm xem xét để:
 - 10.1. Bác bỏ toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn trong Đơn Khởi kiện và tuyên bố các yêu cầu của Nguyên đơn là không có cơ sở pháp lý;
 - 10.2. Yêu cầu Nguyên tự chịu toàn bộ các chi phí phát sinh từ việc gửi Đơn Khởi kiện, bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí trọng tài, phí in ấn, sao chụp hồ sơ, phí kiểm tra, kiểm định (nếu có), phí thanh toán cho bất kỳ bên thứ ba nào;

²⁰ Xem thêm R.0009: Các giải trình, khiếu nại của Bị đơn đối với Báo Xây dựng.

- 10.3. Yêu cầu Nguyên đơn gánh chịu chi phí phát sinh cho Bị đơn do phải tham gia và xử lý những yêu cầu không có căn cứ của Nguyên đơn. Các chi phí phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí hợp lý cho Luật sư, cố vấn pháp lý, làm chứng, chuyên gia tiến độ, chuyên gia chi phí v.v. mà Nguyên đơn sẽ đệ trình vào từng thời điểm phù hợp.
11. Đối với một doanh nghiệp như Bị đơn thì thiệt hại phát sinh từ hành động của Nguyên đơn là quá lớn và đã gây rất nhiều khó khăn đến hoạt động của doanh nghiệp trong suốt thời gian vừa qua, đặc biệt là trong giai đoạn ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19.
12. Sự chậm trễ, vi phạm của Nguyên đơn cũng là một phần lớn dẫn tới việc trễ hạn bàn giao Căn hộ cho các khách hàng mà Bị đơn hiện nay cũng đang phải nỗ lực để giải quyết.
13. Vì vậy, thông qua Bản TỰ BẢO VỆ này, Bị đơn cũng đề nghị Hội Đồng Trọng tài sớm đưa vụ tranh chấp ra xét xử để giải quyết dứt điểm mọi vấn đề mâu thuẫn, tránh làm ảnh hưởng đến Dự án và hoạt động kinh doanh của Bị đơn.

IV. Bảo Lưu Các Quyền

14. Bị đơn theo đây bảo lưu các quyền để hiệu chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung nêu tại Bản TỰ BẢO VỆ này.
15. Bị đơn bảo lưu các quyền của mình theo quy định của pháp luật để khiếu nại hoặc yêu cầu Nguyên đơn chịu trách nhiệm cho các phát sinh từ việc theo đuổi Vụ Việc này.

Nơi nhận:

- Như phần kính gửi (05 bản);
- Lưu h/s vụ việc (01 bản).

Công ty [*]

Đính kèm:

Theo Danh mục hồ sơ đính kèm từ
R.0001 tới R.0011

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM BẢN TỰ BẢO VỆ NGÀY 10/08/2021

Ký hiệu	Tên tài liệu
R.0001	Hồ sơ ủy quyền
R.0002	Chứng từ Thanh toán tạm ứng Hợp đồng 2507

Ký hiệu	Tên tài liệu																																								
R.0003	Giấy phép xây dựng số [*] ngày 15/11/2019																																								
R.0004	- Văn bản số 28.12/[*] ngày 28/12/2020; - Văn bản số 01/Công ty [*] ngày 04/01/2021; - Văn bản số 02/Công ty [*] ngày 15/01/2021; - Trả lời về vấn đề Quyết toán 4 Hợp đồng Thi công Xây dựng ngày 30/01/2021, số 3001/2021/CV-[*]/OUT/2021; - Văn bản số 132/2021/CV-[*] ngày 16/4/2021.																																								
R.0005	Văn bản của [*] ngày 25/9/2020 về việc “ <i>Tình trạng thực hiện hồ sơ Nhà thầu [*]</i> ”																																								
R.0006	Các Văn bản của Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn sớm Quyết toán Các Hợp Đồng. Bao gồm: <table><tr><th>Stt</th><th>Số công văn</th><th>Ngày công văn</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>1.</td><td>156/2020/[*]</td><td>11/08/2020</td><td>Thanh quyết toán các Hợp đồng thi công với nhà thầu [*] tại dự án [*]</td></tr><tr><td>2.</td><td>159/2020/[*]</td><td>13/08/2020</td><td>Thanh quyết toán các Hợp đồng thi công với nhà thầu [*] tại dự án [*]</td></tr><tr><td>3.</td><td>70/2020/[*]-TB-BGĐ</td><td>21/08/2020</td><td>Công ty [*] có dấu hiệu kích động công nhân đã nghỉ việc, tập trung treo băng rôn trái phép, gây mất trật tự, bôi nhọ uy tín, danh dự của Chủ đầu tư tại dự án [*]</td></tr><tr><td>4.</td><td>200825TTR.ART.LET.ACC_029_Kết cấu A3, A4 (Công văn của [*])</td><td>25/08/2020</td><td>Tình trạng thực hiện hồ sơ quyết toán Hợp Đồng 2507</td></tr><tr><td>5.</td><td>178/2020/CV/[*]</td><td>09/09/2020</td><td>Thanh toán trước giá trị quyết toán Hợp Đồng 2507</td></tr><tr><td>6.</td><td>197/2020/CV/[*]</td><td>10/10/2020</td><td>Phúc đáp công văn số 0809/[*]-CV ngày 08/09/2020</td></tr><tr><td>7.</td><td>231/2020/CV/[*]</td><td>17/11/2020</td><td>Phúc đáp công văn số 109/[*]-PT ngày 07/11/2020</td></tr><tr><td>8.</td><td>259/2020/CV/[*]</td><td>10/12/2020</td><td>Giá trị quyết toán các hợp đồng tại dự án [*] của Công ty [*]</td></tr><tr><td>9.</td><td>14/2021/CV/[*]</td><td>11/01/2021</td><td>Đề nghị Công ty [*] quyết toán các hợp đồng tại dự án [*]</td></tr></table>	Stt	Số công văn	Ngày công văn	Nội dung	1.	156/2020/[*]	11/08/2020	Thanh quyết toán các Hợp đồng thi công với nhà thầu [*] tại dự án [*]	2.	159/2020/[*]	13/08/2020	Thanh quyết toán các Hợp đồng thi công với nhà thầu [*] tại dự án [*]	3.	70/2020/[*]-TB-BGĐ	21/08/2020	Công ty [*] có dấu hiệu kích động công nhân đã nghỉ việc, tập trung treo băng rôn trái phép, gây mất trật tự, bôi nhọ uy tín, danh dự của Chủ đầu tư tại dự án [*]	4.	200825TTR.ART.LET.ACC_029_Kết cấu A3, A4 (Công văn của [*])	25/08/2020	Tình trạng thực hiện hồ sơ quyết toán Hợp Đồng 2507	5.	178/2020/CV/[*]	09/09/2020	Thanh toán trước giá trị quyết toán Hợp Đồng 2507	6.	197/2020/CV/[*]	10/10/2020	Phúc đáp công văn số 0809/[*]-CV ngày 08/09/2020	7.	231/2020/CV/[*]	17/11/2020	Phúc đáp công văn số 109/[*]-PT ngày 07/11/2020	8.	259/2020/CV/[*]	10/12/2020	Giá trị quyết toán các hợp đồng tại dự án [*] của Công ty [*]	9.	14/2021/CV/[*]	11/01/2021	Đề nghị Công ty [*] quyết toán các hợp đồng tại dự án [*]
Stt	Số công văn	Ngày công văn	Nội dung																																						
1.	156/2020/[*]	11/08/2020	Thanh quyết toán các Hợp đồng thi công với nhà thầu [*] tại dự án [*]																																						
2.	159/2020/[*]	13/08/2020	Thanh quyết toán các Hợp đồng thi công với nhà thầu [*] tại dự án [*]																																						
3.	70/2020/[*]-TB-BGĐ	21/08/2020	Công ty [*] có dấu hiệu kích động công nhân đã nghỉ việc, tập trung treo băng rôn trái phép, gây mất trật tự, bôi nhọ uy tín, danh dự của Chủ đầu tư tại dự án [*]																																						
4.	200825TTR.ART.LET.ACC_029_Kết cấu A3, A4 (Công văn của [*])	25/08/2020	Tình trạng thực hiện hồ sơ quyết toán Hợp Đồng 2507																																						
5.	178/2020/CV/[*]	09/09/2020	Thanh toán trước giá trị quyết toán Hợp Đồng 2507																																						
6.	197/2020/CV/[*]	10/10/2020	Phúc đáp công văn số 0809/[*]-CV ngày 08/09/2020																																						
7.	231/2020/CV/[*]	17/11/2020	Phúc đáp công văn số 109/[*]-PT ngày 07/11/2020																																						
8.	259/2020/CV/[*]	10/12/2020	Giá trị quyết toán các hợp đồng tại dự án [*] của Công ty [*]																																						
9.	14/2021/CV/[*]	11/01/2021	Đề nghị Công ty [*] quyết toán các hợp đồng tại dự án [*]																																						

Ký hiệu	Tên tài liệu			
	10.	21/2021/CV/TTTCR	15/01/2021	Đề nghị Công ty [*] quyết toán các hợp đồng tại dự án [*] (Lần 2)
	11.	3001/2021/CV-[*] /OUT/2021	30/01/2021	Quyết toán 4 Hợp đồng thi công xây dựng Dự án [*]
	12.	132/2021/[*]	16/04/2021	Quyết toán 4 Hợp đồng thi công xây dựng Dự án [*]
	13.	138/[*]/2021	20/04/2021	Đề nghị thông tin thời gian làm việc, kiểm tra giá trị thanh quyết toán Hợp đồng 250718/TTHĐ/[*]
	14.	209/2021/[*]	27/05/2021	Yêu cầu quyết toán Hợp đồng 250718/TTHĐ/[*] và Hợp đồng số 0805/2019/[*]
R.0007	Các Văn bản của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn Quyết toán Các Hợp Đồng. Bao gồm:			
	Stt	Số công văn	Ngày công văn	Nội dung
	1.	66/	24/08/2020	Đề nghị quyết toán các Gói thầu thuộc Dự án [*]
	2.	21.01/	21/01/2021	Ý kiến phản hồi Hồ sơ quyết toán 04 Gói thầu Dự án [*] Chủ đầu tư gửi
	3.	26.01/	26/01/2021	Ý kiến phản hồi Hồ sơ quyết toán 04 Gói thầu Dự án [*] Chủ đầu tư gửi (lần 2)
	4.	29.01/	29/01/2021	Giải quyết thanh quyết toán hợp đồng thi công công trình [*]
	5.	29.03/	29/03/2021	Thanh quyết toán gói thầu thi công công trình
	6.	09.04/	09/04/2021	Thanh quyết toán gói thầu thi công công trình đã kiểm toán (lần 2)
	7.	27.05/	27/05/2021	Thanh quyết toán gói thầu thi công công trình

Ký hiệu	Tên tài liệu			
R.0008	Các hồ sơ, tài liệu, văn bản đệ trình, văn bản giải trình liên quan đến Dự án của Bị đơn cho Thứ trưởng Lê Quang Hùng. Bao gồm:			
	Stt	Số công văn	Ngày công văn	Nội dung
	1.	231/2021/	07/06/2021	Cung cấp thông tin Dự án [*] cho cơ quan Nhà nước
	2.	232/2021/	07/06/2021	Cung cấp thông tin Dự án [*] cho cơ quan Nhà nước
	3.	3619/2021/VB-TPL BĐ	28/06/2021	Vi bằng lập bởi văn phòng thừa phát lại [*]
	4.	141/CV BXD	01/07/2021	Công văn Báo xây dựng giải trình về đơn khiếu nại
R.0009	Các giải trình, khiếu nại của Bị đơn đối với Báo Xây dựng			
	Stt	Số công văn	Ngày công văn	Nội dung
	1.	45/2021/CV-	03/02/2021	Đơn đề nghị
	2.	260/2021/	19/06/2021	Đơn khiếu nại
	3.	276/2021/	29/06/2021	Đơn khiếu nại lần 3
R.0010	Biên Bản Hợp 0206			
R.0011	Thỏa Thuận Chấm Dứt Hợp Đồng			